

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 187

CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN

Phẩm Thứ Nhất: LUẬN VỀ NIỆM TRÚ

LUẬN VỀ NIỆM TRÚ (Phần 1)

Có bốn Niệm trú, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp niệm trú. Các chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn giải thích nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: “Có bốn Niệm trú, đó là Thân niệm trú cho đến Pháp niệm trú.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt, nếu tu Thân niệm trú thì đó là Thọ niệm trú chăng? Cho đến nói rộng ra. Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không phân biệt, thì nay đều cần phải nói, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nhưng mà Đức Phật nói có ba loại Niệm trú:

1. Niệm trú thuộc tự tánh.
2. Niệm trú xen lẫn nhau.
3. Niệm trú thuộc sở duyên.

Ở nơi nào nói đến Niệm trú thuộc tự tánh?

Đáp: Như trong kinh nói: “Có một đạo hướng về, có thể làm cho hữu tình thanh tịnh, vượt lên diệt hết buồn khổ, đó là bốn Niệm trú. Như thế nào là bốn? Đó là Niệm trú đối với thân thuận theo thân quán sát, cho đến Niệm trú đối với pháp thuận theo pháp quán sát.”

Hỏi: Lại ở nơi nào nói đến Niệm trú xen lẫn nhau?

Đáp: Như trong kinh nói: “Nếu có người nói: Tự pháp thiện ấy tức là bốn Niệm trú. Đây là cách nói chính xác. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì tự pháp thiện đầy đủ trọn vẹn hoàn toàn thì chỉ có bốn Niệm trú. Như

thế nào là bốn? Đó là Niệm trú đối với thân thuận theo thân quán sát, cho đến Niệm trú đối với pháp thuận theo pháp quán sát.”

Hỏi: Lại ở nơi nào nói đến Niệm trú thuộc sở duyên?

Đáp: Như trong kinh nói: “Nếu có người nói: Tất cả các pháp tức là bốn Niệm trú. Đây là cách nói chính xác. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì thân nhiếp tiếp nhận đầy đủ tất cả các pháp thì chỉ có bốn Niệm trú. Như thế nào là bốn? Đó là Niệm trú đối với thân thuận theo thân quán sát, cho đến Niệm trú đối với pháp thuận theo pháp quán sát.”

Trong này, câu nêu ra của ba kinh thì như thứ tự ấy nói riêng biệt về Niệm trú thuộc tự tánh-xen lẫn-sở duyên, câu giải thích đều nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, bởi vì nói thuận theo quán sát đều là thuộc về Tuệ.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở trong câu nêu ra, có lúc nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, có lúc nói đến Niệm trú xen lẫn nhau, có lúc nói đến Niệm trú thuộc sở duyên; ở trong câu giải thích chỉ nói đến Niệm trú thuộc tự tánh?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho Thắng nghĩa của Niệm trú không có gì sai lạc. Niệm trú có hai loại:

1. Thắng nghĩa.
2. Thế tục.

Niệm trú thuộc tự tánh là Thắng nghĩa, còn lại là Thế tục. Niệm trú thuộc Thắng nghĩa ở tất cả mọi lúc không có thể sai lạc, cho nên Đức Phật ở trong câu giải thích đều nói đến tự tánh.

Có người nói: Do lực của Niệm trú thuộc tự tánh, cho nên xen lẫn-sở duyên đều gọi là Niệm trú.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày về ba loại Niệm trú đều dùng Tuệ làm tự tánh, nghĩa là tánh của một Tuệ do pháp vốn có(câu hữu) xen lẫn nhau làm bạn giúp đỡ, có thể có những việc làm thì gọi là Niệm trú xen lẫn nhau; do lực của sở duyên có thể tùy thuận quán sát khắp nơi thì gọi là Niệm trú thuộc sở duyên.

Bởi vì Đức Phật ở trong kinh nói đến ba loại Niệm trú này, cho nên trong A-tỳ-đạt-ma cũng ở mọi nơi dựa vào ba loại Niệm trú mà soạn luận. Làm sao biết như vậy?

Như nói: “Thế nào là Thân niệm trú? Đó là Tuệ duyên với thân. Cho đến thế nào là Pháp niệm trú? Đó là Tuệ duyên với pháp.” Đó gọi là nơi nói đến Niệm trú thuộc tự tánh. Đây chính là trong kinh đã nói: “Có một đạo hướng về...”

Như nói: “Thế nào là Thân niệm trú? Đó là thân tăng thượng do

đạo mà sinh ra thiện hữu lậu-vô lậu. Cho đến thế nào là Pháp niệm trú? Đó là pháp tăng thượng do đạo mà sinh ra thiện hữu lậu-vô lậu.” Đó gọi là nơi nói đến Niệm trú xen lẫn nhau. Đây chính là trong kinh đã nói: “Tự pháp thiện ấy tức là bốn Niệm trú...”

Như nói: “Thế nào là Thân niệm trú? Đó là mười Sắc xứ và Sắc do Pháp xứ thâm nhiếp. Thế nào là Thọ niệm trú? Đó là sáu Thọ thân. Thế nào là Tâm niệm trú? Đó là sáu Thức thân. Thế nào là Pháp niệm trú? Đó là Thọ uẩn vốn không thâm nhiếp Pháp xứ thuộc phi Sắc.” Đó gọi là nơi nói đến Niệm trú thuộc sở duyên. Đây chính là trong kinh đã nói: “Tất cả các pháp tức là bốn Niệm trú...”

Như vậy, A-tỳ-đạt-ma đã nói tương ứng với kinh, vì thế cho nên trong này cũng dựa vào ba loại Niệm trú mà soạn luận.

Hỏi: Đức Thế Tôn vì những hữu tình nào mà nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, cho đến vì những hữu tình nào mà nói đến Niệm trú thuộc sở duyên?

Đáp: Vì chính những hữu tình ngu muội đối với ba loại ấy mà nói đến ba Niệm trú, nghĩa là người ngu muội đối với Niệm trú thuộc tự tánh thì vì họ mà nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, cho đến người ngu muội đối với Niệm trú thuộc sở duyên thì vì họ mà nói đến Niệm trú thuộc sở duyên.

Lại nữa, hành của hữu tình có sai biệt, đó là mới bắt đầu sự nghiệp..., vì người mới bắt đầu sự nghiệp thì nói đến Niệm trú thuộc sở duyên, vì người đã luyện tập thực hành thì nói đến Niệm trú xen lẫn nhau, vì người đã vượt lên trên tác ý thì nói đến Niệm trú thuộc tự tánh.

Lại nữa, ý thích của hữu tình có sai biệt, đó là mở rộng-tóm lược và bình thường, vì người thích tóm lược thì nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, vì người thích bình thường thì nói đến Niệm trú xen lẫn nhau, vì người thích mở rộng thì nói đến Niệm trú thuộc sở duyên.

Lại nữa, căn cơ của hữu tình có sai biệt, đó là nhanh nhạy-trung bình và chậm chạp, vì người căn cơ nhanh nhạy thì nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, vì người căn cơ trung bình thì nói đến Niệm trú xen lẫn nhau, vì người căn cơ chậm chạp thì nói đến Niệm trú thuộc sở duyên.

Lại nữa, trí của hữu tình có sai biệt, đó là mở mang sinh ra trí phân biệt sinh ra trí và dẫn dắt sinh ra trí, vì người mở mang sinh ra trí thì nói đến Niệm trú thuộc tự tánh, vì người phân biệt sinh ra trí thì nói đến Niệm trú xen lẫn nhau, vì người dẫn dắt sinh ra trí thì nói đến Niệm trú thuộc sở duyên. Vì những loại hữu tình đã hóa độ như vậy, cho nên

Đức Phật nói về ba loại Niệm trú này.

Hỏi: Ba loại Niệm trú này thì loại nào đoạn phiền não?

Đáp: Chỉ có Niệm trú xen lẫn nhau có thể đoạn phiền não chứ không phải là loại nào khác.

Hỏi: Vì sao Niệm trú thuộc tự tánh không có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì nếu lìa bạn giúp đỡ, chỉ riêng Tuệ thì không có thể đoạn phiền não.

Hỏi: Vì sao Niệm trú thuộc sở duyên không có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì tác ý lúc ấy tản mác khắp nơi, chỉ riêng tác ý tổng quát tóm lược sở duyên thì mới có thể đoạn phiền não.

Hỏi: Vì sao Niệm trú xen lẫn nhau có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì có đủ hai duyên, đó là thân nhiếp tiếp nhận bạn giúp đỡ, và tác ý tổng quát tóm lược sở duyên.

Hỏi: Nếu như vậy thì tu Niệm trú khác sẽ trở thành vô dụng?

Đáp: Những loại ấy có thể dẫn dắt phát khởi Niệm trú xen lẫn nhau chứ không phải là vô dụng.

Có người nói: Đoạn có hai loại:

1. Đoạn trong thời gian ngắn.

2. Đoạn đến cuối cùng.

Bởi vì tu Niệm trú khác có thể đoạn trong thời gian ngắn, cho nên không phải là vô dụng.

Niệm trú xen lẫn nhau lại có ba loại, đó là do Văn-Tư-Tu mà thành sai biệt.

Hỏi: Ba loại này thì loại nào có thể đoạn phiền não?

Đáp: Do Tu mà thành có thể đoạn phiền não chứ không phải là loại nào khác.

Hỏi: Vì sao do Văn mà thành không có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì loại ấy cần phải dựa vào tên gọi mới chuyển đổi với nghĩa, chỉ có loại không cần đến tên gọi chuyển đổi với nghĩa, thì nói là có thể đoạn phiền não.

Hỏi: Vì sao do Tư mà thành không có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì loại này tác ý là do địa không nhất định thân nhiếp, chỉ do địa nhất định thân nhiếp thì nói là có thể đoạn phiền não.

Hỏi: Vì sao do Tu mà thành có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì có đủ hai duyên, đó là không cần đến tên gọi chuyển đổi với nghĩa, và do địa nhất định thân nhiếp.

Hỏi: Nếu như vậy thì tu hai loại còn lại sẽ trở thành vô dụng?

Đáp: Những loại ấy có thể dẫn dắt phát khởi do Tu mà thành, nghĩa là do Văn mà thành có thể dẫn dắt phát khởi do Tư mà thành, do Tư mà thành có thể dẫn dắt phát khởi do Tu mà thành, do Tu mà thành có thể đoạn phiền não, cho nên không phải là vô dụng.

Có người nói: Đoạn có hai loại, nói rộng ra như trước.

Niệm trú do Tu mà thành lại có bốn loại, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp.

Hỏi: Bốn loại này thì loại nào có thể đoạn phiền não?

Đáp: Pháp niệm trú có thể đoạn phiền não chứ không phải là loại nào khác.

Hỏi: Vì sao ba Niệm trú trước không có thể đoạn phiền não?

Đáp: Bởi vì những loại ấy là do tác ý thuộc tự tướng thân nhiếp, chỉ do tác ý thuộc cộng tướng thân nhiếp thì nói là có thể đoạn phiền não.

Có người nói: Bởi vì mỗi một uẩn ấy đều duyên riêng biệt, cần phải duyên chung với bốn uẩn-năm uẩn, hoặc là lìa uẩn thì nói là có thể đoạn phiền não.

Hỏi: Nếu như vậy thì tu ba loại trước sẽ trở thành vô dụng?

Đáp: Bởi vì có thể dẫn dắt phát khởi Pháp niệm trú, nghĩa là Thân niệm trú có thể dẫn dắt Thọ niệm trú, Thọ niệm trú có thể dẫn dắt Tâm niệm trú, Tâm niệm trú có thể dẫn dắt Pháp niệm trú, Pháp niệm trú có thể đoạn phiền não, cho nên không phải là vô dụng.

Có người nói: Trước hết cần phải phân biệt về các uẩn, sau đó mới có thể duyên chung mà đoạn phiền não, cho nên không phải là vô dụng.

Có người nói: Đoạn có hai loại, nói rộng ra như trước.

Pháp niệm trú lại có hai loại:

1. Duyên xen tạp.
2. Duyên không xen tạp.

Nếu duyên với Tưởng-Hành-Thức uẩn và Vô vi thì gọi là duyên không xen tạp; nếu đối với năm uẩn, hoặc là hai duyên với hai, hoặc là ba duyên với ba, hoặc là bốn duyên với bốn, hoặc là duyên toàn bộ năm uẩn và Vô vi thì gọi là duyên xen tạp.

Hỏi: Trong này Pháp niệm trú loại nào có thể đoạn phiền não?

Đáp: Cả hai loại đều có thể đoạn phiền não, nghĩa là nếu duyên với Khổ-Tập-Đạo đế nói là đoạn phiền não, thì đó là Pháp niệm trú duyên xen tạp; nếu duyên với Diệt đế nói là đoạn phiền não, thì đó là

Pháp niệm trú duyên không xen tạp.

Trong này, hoặc nói là chung một Niệm trú, đó là pháp Đại địa, Tuệ căn, Tuệ lực, Chánh kiến, Trạch pháp giác chi.

Hoặc nói là hai, đó là hữu lậu-vô lậu, ràng buộc-giải thoát, hệ thuộc-không hệ thuộc.

Hoặc nói là ba, đó là phẩm Hạ-Trung-Thượng, hoặc là do Văn-Tư-Tu mà thành.

Hoặc nói là bốn, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp.

Hoặc nói là năm, đó là hệ thuộc ba cõi-Học-Vô học.

Hoặc nói là sáu, đó là hữu lậu-vô lậu đều có phẩm Hạ-Trung-Thượng.

Hoặc nói là tám, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp đều có hữu lậu-vô lậu.

Hoặc nói là chín, đó là phẩm Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng.

Hoặc nói là mười hai, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp đều có phẩm Hạ-Trung-Thượng.

Lại có nơi khác nói là mười hai, như trong kinh nói: “Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát; như ba loại về thân, cho đến pháp cũng như vậy.”

Hoặc nói là mười tám, đó là hữu lậu-vô lậu đều có phẩm Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng.

Hoặc nói là hai mươi bốn, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp thuộc phẩm Hạ-Trung-Thượng đều có hữu lậu-vô lậu.

Hoặc nói là ba mươi sáu, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp đều có phẩm Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng.

Lại có nơi khác nói là ba mươi sáu, như trong kinh nói: “Trú vào thân bên trong tưởng về chán ngán trái ngược, trú vào thân bên trong tưởng về không chán ngán trái ngược, trú vào thân bên trong đều lìa bỏ Chánh niệm-Chánh tri; như đối với thân bên trong, đối với thân bên ngoài, đối với thân bên trong-bên ngoài cũng như vậy. Như đối với thân có chín loại, cho đến đối với pháp cũng như vậy.”

Hoặc nói là bảy mươi hai, đó là Thân niệm trú thuộc hữu lậu-vô lậu đều có phẩm Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng, như Thân niệm trú có mười tám loại, cho đến Pháp niệm trú cũng như vậy.

Nếu dựa theo sát-na nối tiếp nhau để phân biệt thì có vô lượng Niệm trú.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao Đức Thế Tôn đối với một loại nói

rộng ra là bốn Niệm trú, đối với vô lượng nói tóm lược là bốn Niệm trú?

Đáp: Bởi vì đối trị bốn loại điên đảo, đó là đối trị điên đảo đối với Bất tịnh tưởng là Tịnh cho nên nói về Thân niệm trú, đối trị điên đảo đối với Khổ tưởng là Lạc cho nên nói về Thọ niệm trú, đối trị điên đảo đối với Vô thường tưởng là Thường cho nên nói về Tâm niệm trú, đối trị điên đảo đối với Vô ngã tưởng là Ngã cho nên nói về Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì đối trị bốn loại Thực, đó là đối trị Đoàn thực cho nên nói về Thân niệm trú, đối trị Xúc thực cho nên nói về Thọ niệm trú, đối trị Thức thực cho nên nói về Tâm niệm trú, đối trị Ý tư thực cho nên nói về Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì đối trị bốn loại Thức trú, đó là đối trị Thức trú hiện hành gần với Sắc cho nên nói về Thân niệm trú, đối trị Thức trú hiện hành gần với Thọ cho nên nói về Thọ niệm trú, đối trị trú vào Thức ấy cho nên nói về Tâm niệm trú, đối trị Thức trú hiện hành gần với Hành-hiện hành gần với Tưởng cho nên nói về Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì đối trị năm Uẩn, đó là đối trị Sắc uẩn cho nên nói về Thân niệm trú, đối trị Thọ uẩn cho nên nói về Thọ niệm trú, đối trị Thức uẩn cho nên nói về Tâm niệm trú, đối trị Tưởng uẩn-Hành uẩn cho nên nói về Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì đối trị bốn loại không tu, đó là đối trị không tu Thân cho nên nói về Thân niệm trú, đối trị không tu Giới cho nên nói về Thọ niệm trú, đối trị không tu Tâm cho nên nói về Tâm niệm trú, đối trị không tu Tuệ cho nên nói về Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì pháp giống nhau với bốn loại tu cho nên nói về bốn Niệm trú, đó là pháp giống nhau với tu Thân cho nên nói về Thân niệm trú, pháp giống nhau với tu Giới cho nên nói về Thọ niệm trú, pháp giống nhau với tu Tâm cho nên nói về Tâm niệm trú, pháp giống nhau với tu Tuệ cho nên nói về Pháp niệm trú.

Hỏi: Niệm trú lấy gì làm tự tánh, là lấy Niệm hay là lấy Tuệ? Nếu lấy Niệm thì ở đây nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Đối với thân thuận theo thân quán sát...” Nếu lấy Tuệ thì vì sao gọi là Niệm trú? Lại trong kinh nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Nên quán sát Niệm căn ở nơi nào? Đó là đối với bốn Niệm trú.”

Đáp: Nên nói lấy Tuệ làm tự tánh.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao gọi là Niệm trú?

Đáp: Niệm ở nơi này, trú-cùng trú-đều trú, cho nên gọi là Niệm trú; như chỗ ở của voi ngựa... gọi là voi ngựa cùng trú, ở đây cũng như

vậy.

Có người nói: Đây là do lực của Niệm có thể đối với sở duyên dấy khởi tác dụng rộng lớn sai biệt, mà không sai lạc cho nên gọi là Niệm trú.

Có người nói: Do lực của Niệm cho nên Sư Du-già này ghi nhớ rõ ràng sở duyên, đối với cảnh sở duyên quên rồi lại nhớ, cho nên gọi là Niệm trú.

Có người nói: Người tu hành này ở trong sở duyên, trước phải dùng Niệm để an trú, sau đó mới quán sát, lại đối với sở duyên trước phải thông suốt rồi, sau đó dùng Niệm an trú để giữ gìn, như người giữ cổng, cho nên gọi là Niệm trú.

Có người nói: Người tu hành này đối với cảnh sở duyên, trước phải dùng Niệm để thâm nhiếp giữ gìn, sau đó dùng Tuệ quán sát mà đoạn phiền não, ví như người làm ruộng trước dùng tay trái gom lấy cỏ dại, sau dùng tay phải cầm liềm cắt đứt, ở đây cũng như vậy, cho nên gọi là Niệm trú.

Có người nói: Sư Du-già này khoác áo giáp của Niệm, ở trong sự nối tiếp nhau của tâm, cầm dao gậy của Tuệ, ở giữa trận chiến của sinh tử không bị giặc phiền não làm cho khuất phục, mà có thể làm cho giặc phiền não phải khuất phục, cho nên gọi là Niệm trú.

Có người nói: Bởi vì ngăn chặn lỗi giữ lấy tự tánh, cho nên gọi là Niệm trú; nếu gọi là Tuệ trú thì sẽ có lỗi lầm giữ lấy tự tánh.

Có người nói: Bởi vì hiển bày không phải là chỉ riêng tự tánh có thể có những việc làm, cho nên gọi là Niệm trú.

Bởi vì những duyên như vậy, cho nên chỉ gọi là Niệm trú chứ không gọi là Tuệ trú.

Hỏi: Trong kinh đã nói lại hiểu thế nào? Như nói: “Nên quán sát Niệm căn ở nơi nào? Đó là đối với bốn Niệm trú.”

Đáp: Bởi vì Niệm căn có tác dụng tăng thượng đối với phần vị Niệm trú, cho nên đưa ra cách nói này. Như Tín căn có tác dụng tăng thượng đối với phần vị của bốn Chứng tịnh, cho nên Đức Phật lại nói: “Nên quán sát Tín căn ở nơi nào? Đó là đối với bốn Chứng tịnh.” Như vậy, Tinh tiến căn đối với bốn Chánh đoạn, Định căn đối với bốn Tĩnh lự, Tuệ căn đối với bốn Thánh đế cũng như vậy. Vì vậy, Đức Thế Tôn cho đến lại nói: “Nên quán sát Tuệ căn ở nơi nào? Đó là đối với bốn Thánh đế.” Ở đây cũng như vậy. Đó gọi là tự tánh của Niệm trú.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Niệm trú, Niệm trú là nghĩa gì?

Đáp: Niệm ở nơi này, trú-cùng trú-đều trú, nói rộng ra như trước.
 Đã nói chung về nguyên cơ của Niệm trú, nay sẽ nói đến nguyên cơ của từng loại một.

Hỏi: Vì sao gọi là Thân niệm trú?

Đáp: Niệm trú này duyên với thân cho nên gọi là Thân niệm trú.

Hỏi: Niệm trú khác cũng duyên với thân, đó là Thọ niệm trú duyên với sáu Thọ thân, Tâm niệm trú duyên với sáu Thức thân, Pháp niệm trú duyên với sáu Tướng thân-sáu Tư thân..., vì sao không cùng gọi là Thân niệm trú?

Đáp: Trong này đã nói duyên với thân, đó là duyên với Sắc thân, Niệm trú khác bởi vì duyên với thân không phải là Sắc, cho nên không gọi là Thân niệm trú.

Có người nói: Nếu duyên với thân hiện bày thô thiển-dễ thấy-đang thấy thì gọi là Thân niệm trú, Niệm trú khác bởi vì duyên với thân sâu kín vi tế-khó thấy-khó hiểu-không hiện thấy, cho nên không gọi là Thân niệm trú.

Có người nói: Nếu thân sở duyên là do cực vi tích tụ mà thành thì thân ấy gọi là Thân niệm trú, thân sở duyên khác không phải là do cực vi tích tụ mà thành, cho nên thân ấy không gọi là Thân niệm trú.

Có người nói: Nếu duyên với thân mà chủ thể nhận biết-pháp đã nhận biết (năng tri-sở tri) cùng lúc sinh khởi thì gọi là Thân niệm trú, Niệm trú khác tuy duyên với thân chủ thể nhận biết-pháp đã nhận biết không cùng lúc sinh khởi, cho nên không gọi là Thân niệm trú; tuy trong Pháp niệm trú có cùng lúc sinh khởi, mà bởi vì số ít cho nên không nói.

Như duyên với thân cho nên gọi là Thân niệm trú, như vậy duyên với thọ cho nên gọi là Thọ niệm trú, duyên với tâm cho nên gọi là Tâm niệm trú, duyên với pháp cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Hỏi: Tất cả đều là pháp, tất cả đều chỉ có pháp, vì sao chỉ riêng một loại gọi là Pháp niệm trú chứ không phải là những loại khác?

Đáp: Tuy tất cả đều là pháp, mà chỉ thiết lập một loại là Pháp niệm trú. Như mười tám Giới đều là pháp, mà chỉ thiết lập một loại là Pháp giới; mười hai Xứ đều là pháp, mà chỉ thiết lập một loại là Pháp xứ. Như Pháp giới-Pháp xứ, như vậy Pháp trí, Trạch pháp giác chi, Pháp tùy niệm, Pháp chứng tịnh, Pháp vô ngại giải, Pháp bảo, Pháp quy cũng như vậy.

Có người nói: Pháp niệm trú có một tên gọi, Niệm trú khác có hai tên gọi.

Có người nói: Pháp niệm trú có tên gọi chung, Niệm trú khác có tên gọi chung-không chung.

Có người nói: Tất cả pháp hữu vi do sinh mà khởi lên, sinh là sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Tất cả pháp do tên gọi mà hiển bày, tên gọi là sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Các tướng hữu vi là dấu hiệu của tất cả pháp hữu vi, tức là các tướng này rơi vào ở trong sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Không giải thoát môn nhận hiểu về pháp tánh của các pháp, Không này thâm nhiếp ở trong sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Hỏi: Nếu như vậy thì Tát-ca-da kiến cũng nhận hiểu về tánh Bồ-đặc-già-la của các pháp, vì sao không dựa vào đó để thiết lập tên gọi?

Đáp: Đó không phải là sự nhận hiểu chân thật, đây là sự nhận hiểu chân thật, cho nên không có lỗi gì.

Có người nói: Tuệ có thể phân biệt về tự tướng-cộng tướng của các pháp, an lập về tự tướng-cộng tướng của các pháp, ngu muội về sự tổn hại và ngu muội về sở duyên, ở trong các pháp thay đổi không tăng giảm, Tuệ này rơi vào trong sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Diệt đế Niết-bàn là pháp Thắng nghĩa thường trú không thay đổi, pháp này thâm nhiếp ở trong sở duyên của nó, cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Niệm trú này có thể duyên với nhiều pháp, đó là Sắc-không phải Sắc, tương ứng-không tương ứng, có sở y-không có sở y, có hành tướng-không có hành tướng, có sở duyên-không có sở duyên, có cảnh giác-không có cảnh giác, vì thế cho nên gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Thân niệm trú duyên với thân chứ không duyên với Tuệ duyên với thân, Thọ niệm trú duyên với thọ chứ không duyên với Tuệ duyên với thọ, Tâm niệm trú duyên với tâm chứ không duyên với Tuệ duyên với tâm, Pháp niệm trú duyên với thân cũng duyên với Tuệ duyên với thân, duyên với Thọ-Tâm-Pháp cũng duyên với Tuệ duyên với Thọ-Tâm-Pháp, vì thế cho nên chỉ riêng loại này gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Thân niệm trú duyên với thân chứ không duyên với sinh-lão-vô thường của thân, Thọ niệm trú duyên với thọ chứ không duyên với sinh-lão-vô thường của thọ, Tâm niệm trú duyên với tâm chứ

không duyên với sinh-lão-vô thường của tâm, Pháp niệm trú duyên với thân cũng duyên với sinh-lão-vô thường của thân, duyên với Thọ-Tâm-Pháp cũng duyên với sinh-lão-vô thường của Thọ-Tâm-Pháp, vì thế cho nên chỉ riêng loại này gọi là Pháp niệm trú.

Có người nói: Đến đây các Sư Du-già tưởng về Ngã-tưởng về một tập hợp đều được dừng lại, tu tập đầy đủ trọn vẹn tưởng về Pháp-tưởng về sai biệt, cho nên gọi là Pháp niệm trú. Nghĩa là Sư Du-già phân tích về Thân rồi liền cho rằng Thọ là Ngã, phân tích về Thọ rồi liền cho rằng Tâm là Ngã, phân tích về Tâm rồi liền cho rằng pháp là Ngã, phân tích về Pháp rồi thì biết tất cả không phải là Ngã, hữu tình chỉ là tập hợp của hành trống rỗng. Vì thế cho nên đến đây tưởng về Pháp đầy đủ trọn vẹn, gọi là Pháp niệm trú.

Đã nói về nguyên cơ của từng loại Niệm trú, nay sẽ nói đến thứ tự của nó.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn trước tiên nói đến Thân niệm trú, cho đến cuối cùng mới nói đến Pháp niệm trú?

Đáp: Bởi vì biểu hiện rõ ràng về sự tùy thuận. Nghĩa là nếu biểu hiện rõ ràng theo thứ tự như vậy, thì tùy thuận đối với văn tự-ngôn thuyết.

Có người nói: Bởi vì tùy thuận với người thuyết giảng-người tiếp nhận. Nghĩa là nếu đưa ra theo thứ tự như vậy, thì đối với thầy thuyết giảng và đệ tử tiếp nhận đều được tùy thuận.

Có người nói: Bởi vì đây là dựa vào sinh khởi theo thứ tự. Thứ tự có ba loại:

1. Sinh khởi theo thứ tự.
2. Biểu hiện rõ ràng theo thứ tự.
3. Hiện quán theo thứ tự.

Sinh khởi theo thứ tự, là như Niệm trú này, và Tĩnh lự-Vô lượng-Vô sắc-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ... Biểu hiện rõ ràng theo thứ tự, đó là Chánh đoạn-Thân tức-Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi... Hiện quán theo thứ tự, đó là bốn Thánh đế. Bởi vì Sư Du-già đầu tiên khởi lên Thân niệm trú, cho nên Đức Phật nói đến trước; cho đến cuối cùng khởi lên Pháp niệm trú, cho nên Đức Phật nói đến sau.

Hỏi: Dựa vào luận mà sinh ra luận, vì sao các Sư Du-già đầu tiên khởi lên Thân niệm trú, cho đến cuối cùng khởi lên Pháp niệm trú?

Đáp: Bởi vì dựa vào thô-tế theo thứ tự. Nghĩa là trong năm uẩn thì Sắc uẩn là thô thiển nhất, cho nên đầu tiên quán sát khởi lên Thân niệm trú; trong bốn uẩn không có Sắc thì Thọ uẩn là thô thiển nhất, cho nên

tiếp theo quán sát khởi lên Thọ niệm trú.

Hỏi: Thọ... không có nơi chốn, làm sao có thể thi thiết thô-tế?

Đáp: Tuy không có nơi chốn thô-tế mà có hành tướng thô-tế, cho nên cũng có thể thi thiết. Trong này, hành tướng thô của Thọ, như nói tay chân của tôi đau nhức, lại nói tôi nhận chịu khổ sở như vậy-như vậy. Các uẩn như Thọ... tuy không phải Sắc mà thi thiết thô-tế như Sắc.

Trong bốn uẩn không có Sắc thì Thức uẩn là vi tế nhất, mà đầu tiên quán sát về Tướng-Hành uẩn khởi lên Tâm niệm trú, bởi vì kết hợp thi thiết Tướng-Hành uẩn và Niết-bàn là pháp vi tế nhất, cho nên cuối cùng quán sát về pháp ấy khởi lên Pháp niệm trú.

Có người nói: Từ vô thủy cho đến ngày nay, nam vì sắc của nữ, nữ vì sắc của nam, là nơi sinh ra nhiễm ô, cho nên đầu tiên quán sát về Sắc khởi lên Thân niệm trú; đắm trước Sắc này bởi vì tham cảm thọ vui thú, cho nên tiếp theo quán sát về Thọ khởi lên Thọ niệm trú; tham cảm thọ vui thú bởi vì không điều phục đối với tâm, cho nên tiếp theo quán sát về Tâm khởi lên Tâm niệm trú; không điều phục đối với tâm bởi vì phiền não chưa đoạn, cho nên cuối cùng quán sát về Pháp khởi lên Pháp niệm trú.

Có người nói: Bởi vì Sắc có thể thi thiết có tăng-giảm, có lấy-bỏ, nối tiếp nhau tương tự, cho nên đầu tiên quán sát về Sắc khởi lên Thân niệm trú. Vào lúc quán sát về Sắc, khởi lên thân Khinh an và tâm Khinh an, từ đây làm đầu tiên dẫn dắt khởi lên cảm thọ vui vẻ, cho nên tiếp theo quán sát về Thọ khởi lên Thọ niệm trú. Vào lúc quán sát về Thọ, dẫn dắt khởi lên Thắng nghĩa phân biệt rõ ràng về cảnh giới, cho nên tiếp theo quán sát về Thức khởi lên Tâm niệm trú. Lúc ấy dấy lên ý niệm này: Nếu nơi nào khởi tâm thì cũng khởi tâm sở. Cho nên cuối cùng quán sát về Pháp khởi lên Pháp niệm trú.

Có người nói: Thân ngu có thể giữ lấy Thọ ngu, cho đến Tâm ngu có thể giữ lấy Pháp ngu; không phải là Thân ngu không chuyển mà có thể chuyển Thọ ngu, cho đến không phải là Tâm ngu không chuyển mà có thể chuyển Pháp ngu, cho nên bốn Niệm trú khởi lên theo thứ tự như vậy.

Có người nói: Thân không ngu có thể dẫn dắt Thọ không ngu, cho đến Tâm không ngu có thể dẫn dắt Pháp không ngu; không phải là Thân không ngu không khởi lên mà có thể khởi lên Thọ không ngu, cho đến không phải là Tâm không ngu không khởi lên mà có thể khởi lên Pháp không ngu, cho nên bốn Niệm trú khởi lên theo thứ tự như vậy.

Có người nói: Thân quán sát có thể dẫn dắt Thọ quán sát, cho đến

Tâm quán sát có thể dẫn dắt Pháp quán sát; không phải là Thân quán sát không khởi lên mà có thể khởi lên Thọ quán sát, nói rộng ra như trên.

Có người nói: Thân quán sát cùng với Thọ quán sát làm nhân-làm căn-làm mắt-làm đạo-làm từng bước-làm năng tác-làm duyên sinh-làm khởi tập-làm đẳng khởi, Thọ quán sát cùng với Tâm quán sát, Tâm quán sát cùng với Pháp quán sát cũng như vậy, còn lại nói như trước.

Có người nói: Thân quán sát cùng với Thọ quán sát làm gia hạnh-làm cửa ngõ-làm nơi nương tựa, cho đến Tâm quán sát cùng với Pháp quán sát cũng như vậy, còn lại nói như trước.

Có người nói: Thân quán sát cùng với Thọ quán sát làm nơi nương tựa-làm dấu tích để lại, cho đến Tâm quán sát cùng với Pháp quán sát cũng như vậy, còn lại nói như trước.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thân quán sát lại dùng pháp nào làm nơi nương tựa-làm dấu tích để lại?

Đáp: Dùng tướng Xa-ma-tha đã đạt được trước đây làm nơi nương tựa-làm dấu tích để lại, như nói: Bởi vì trước đây đạt được Xa-ma-tha bất động, cho nên tướng của thân nhẹ nhàng mềm mại, tích tụ khắp nơi từ chân đến đầu, vì vậy có thể khởi lên Thân niệm trú cho đến Pháp niệm trú.

Có người nói: Lúc ấy phân biệt về các Xứ ở trong sự nối tiếp nhau khởi lên bốn Niệm trú, đó là Sư Du-già đầu tiên muốn biết về các Sắc xứ, cho nên trước phải phân biệt về mười Sắc xứ và Sắc do Niệm xứ thâm nhiếp, vì thế cho nên trước tiên khởi lên Thân niệm trú. Tiếp theo ngay nơi Pháp xứ phân biệt về các Thọ, cho nên tiếp theo khởi lên Thọ niệm trú. Tiếp theo ngay nơi Pháp xứ phân biệt về Tưởng-Hành uẩn và ba Vô vi, cho nên tiếp theo khởi lên Pháp niệm trú. Lúc ấy lại dấy lên ý niệm này: Trừ pháp này ra còn có pháp nào? Liền biết như thật còn có Ý xứ, vì vậy liền phân biệt về Ý xứ, cho nên cuối cùng khởi lên Tâm niệm trú. Các Sư Du-già nếu dựa vào tự tướng để quán sát, thì trước tiên khởi lên Pháp niệm trú, sau cùng khởi lên Tâm niệm trú; nếu dựa vào cộng tướng để quán sát, thì trước tiên khởi lên Tâm niệm trú, sau cùng khởi lên Pháp niệm trú, cho nên bốn Niệm trú khởi lên theo thứ tự như vậy.

Hỏi: Là trước tiên khởi lên Niệm trú duyên với bên trong, hay là trước tiên khởi lên Niệm trú duyên với bên ngoài? Nếu như vậy thì có gì sai? Nếu trước tiên khởi lên Niệm trú duyên với bên trong, thì kinh nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Tỳ kheo mới học vốn có Thi-la thanh tịnh,

ý thích đầy đủ trọn vẹn, muốn nhanh chóng đoạn trừ dục-tham-sân, nên hướng về con đường vắng vẻ hiu quạnh, đi đến nơi đặt xác chết, cố gắng giữ lấy tướng ấy, hoặc là bầm xanh, hoặc là nát rữa...” Nếu trước tiên khởi lên Niệm trú duyên với bên ngoài, thì kinh khác nói lại hiểu thế nào? Như nói: “Trước tiên trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, tiếp theo trú vào thân bên ngoài...”

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Trước tiên khởi lên Niệm trú duyên với bên trong. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì có Ngã cho nên có Ngã sở, có Ngã chấp cho nên có Ngã sở chấp, có Ngã kiến cho nên có Ngã sở kiến, có năm Ngã kiến cho nên có mười lăm Ngã sở kiến, có Ngã ngu cho nên có Ngã sở ngu, có Ngã ái cho nên có nhiều vật dụng yêu quý, vì nuôi lớn Ngã bên trong cho nên cầu mong vật dụng cung cấp bên ngoài.

Hỏi: Nếu như vậy thì kinh đã dẫn ra trước đó nên hiểu thế nào?

Đáp: Đó là Niệm trú gia hạnh chứ không phải là Niệm trú căn bản. Vì sao biết như vậy? Bởi vì ngay kinh ấy nói: “Cố gắng giữ lấy tướng rồi nhanh chóng trở về nơi của mình, nhớ lại tướng đã giữ lấy trước đây. Nếu có thể nhớ lại thì tốt, nếu không có thể nhớ lại thì tiếp tục đi đến nơi đặt xác chết, lại cố gắng giữ lấy tướng chạy nhanh về nơi của mình, rửa tay chân sạch sẽ, đi vào phòng trải chỗ ngồi mà ngồi, dùng tác ý thắng giải khiến cho tướng đã giữ lấy trước đây hiện rõ trước mắt.” Đó gọi là Niệm trú gia hạnh. Nếu lúc dùng tướng đã giữ lấy bên ngoài, đặt vào thân bên trong mà quán sát, thì mới gọi là tiến vào Niệm trú căn bản.

Có người nói: Kinh ấy nói đến quả thuộc tác ý thắng giải chứ không phải là phần vị Niệm trú. Vì sao biết như vậy? Bởi vì ngay kinh ấy nói: “Lúc ấy Tỳ kheo mới học đạt được ý về Học rồi, nếu muốn hướng về con đường vắng vẻ hiu quạnh, thì tùy theo ý muốn mà đi đến.” Trong này, Tỳ kheo mới học tức là hàng Dự lưu và hàng Nhất lai, cho nên biết kinh ấy nói đến quả thuộc tác ý thắng giải chứ không phải là phần vị Niệm trú.

Như trong kinh nói: “Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát...”

Hỏi: Trong này, loại nào gọi là Thân bên trong..., loại nào gọi là Thân bên ngoài...?

Đáp: Sắc do sự nối tiếp nhau của mình thân nhiếp, gọi là Thân bên trong; Sắc do sự nối tiếp nhau nơi khác, và Sắc thuộc số phi hữu

tình, gọi là Thân bên ngoài. Pháp bên trong-Pháp bên ngoài, nói cũng như vậy. Thọ do sự nối tiếp nhau của mình thân nhiếp, gọi là Thọ bên trong; Thọ do sự nối tiếp nhau nơi khác, gọi là Thọ bên ngoài. Tâm bên trong-Tâm bên ngoài, nói cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Sắc thuộc số hữu tình gọi là Thân bên trong, Sắc thuộc số phi hữu tình gọi là Thân bên ngoài; Pháp bên trong-Pháp bên ngoài, nói cũng như vậy. Tâm-Thọ nói như trước.

Hiếp Tôn giả nói: “Hiện tại gọi là bên trong, quá khứ-vị lai và Vô vi gọi là bên ngoài.”

Hỏi: Vì sao hiện tại gọi là bên trong, quá khứ-vị lai và Vô vi gọi là bên ngoài?

Đáp: Bởi vì pháp hiện tại phần nhiều làm cho hữu tình thân nhiếp tiếp nhận tham trước, chứ không phải là quá khứ-vị lai và Vô vi.

Trong này, trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên trong quán sát về tự tướng; trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên ngoài quán sát về tự tướng; trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên trong-bên ngoài quán sát về cộng tướng. Cho đến Pháp cũng như vậy.

Có người nói: Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên trong quán sát rộng ra; trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên ngoài quán sát rộng ra; trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát, là trú vào thân bên trong-bên ngoài quán sát tóm lược. Cho đến Pháp cũng như vậy.

Có người nói: Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, là đối trị về Ngã chấp; trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, là đối trị về Ngã sở chấp; trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát, là đối trị về Ngã chấp-Ngã sở chấp. Cho đến Pháp cũng như vậy. Như Ngã chấp-Ngã sở chấp, Ngã kiến-Ngã sở kiến nói cũng như vậy.

Có người nói: Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, là đối trị về năm Ngã kiến; trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát, là đối trị về mười lăm Ngã sở kiến; trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát, là đối trị về hai mươi loại Tát-ca-da kiến. Cho đến Pháp cũng như vậy. Như Ngã kiến-Ngã sở kiến, như vậy Ngã ngu-Ngã sở ngu nói cũng như vậy.

Có người nói: Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát, là đối trị về Ngã ái; trú vào thân bên ngoài thuận theo thân quán sát,

là đối trị về nhiều vật dụng yêu quý; trú vào thân bên trong-bên ngoài thuận theo thân quán sát, là đối trị cả hai loại ái. Cho đến Pháp cũng như vậy.

Hỏi: Đến đâu thì nên nói là Thân niệm trú đầy đủ trọn vẹn, cho đến Pháp niệm trú đầy đủ trọn vẹn?

Đáp: Dựa vào hai duyên cho nên biết là đầy đủ trọn vẹn:

1. Phân biệt sở duyên.
2. Căn thiện tăng lên.

Phân biệt sở duyên, đó là nếu lúc có thể dùng cực vi và sát-na để phân biệt về sở duyên, hoặc là chỉ dùng sát-na để phân biệt về sở duyên. Căn thiện tăng lên, đó là dựa vào phẩm Hạ sinh ra phẩm Trung, dựa vào phẩm Trung sinh ra phẩm Thượng. Đến đây thì nên biết là Niệm trú đầy đủ trọn vẹn.

Có người nói: Dựa vào chuyển đổi gia hạnh cho nên biết là đầy đủ trọn vẹn, đó là Sư Du-già trước tiên phân biệt về Thân, phân biệt về Thân rồi chuyển sang Tuệ nhận hiểu về Thân; tiếp theo phân biệt về Thọ, phân biệt về Thọ rồi chuyển sang Tuệ nhận hiểu về Thọ; tiếp theo phân biệt về Tâm, phân biệt về Tâm rồi chuyển sang Tuệ nhận hiểu về Tâm, phân biệt đối với Pháp. Ví như nông phu dẫn nước tưới ruộng, thửa ruộng thứ nhất đầy rồi dẫn sang tưới cho thửa ruộng thứ hai, thửa ruộng thứ hai đầy rồi dẫn sang tưới cho thửa ruộng thứ ba, thửa ruộng thứ ba đầy rồi dẫn sang tưới cho thửa ruộng thứ tư; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Đến lúc tướng oán hại thành tựu thì nên biết là đầy đủ trọn vẹn. Tướng oán hại có hai loại:

1. Khiến cho không vui mừng.
2. Khiến cho sinh ra tức giận.

Trong này chỉ nói khiến cho không vui mừng gọi là tướng oán hại, đó là Sư Du-già phân biệt về Thân rồi liền đối với Thân không sinh ra vui mừng, mà vui mừng đối với Thọ...; phân biệt về Thọ rồi lại đối với Thọ không sinh ra vui mừng, mà vui mừng đối với Tâm...; phân biệt về Tâm rồi lại đối với Tâm không sinh ra vui mừng, mà vui mừng đối với Pháp; phân biệt về Pháp rồi thì đối với tất cả cảnh giới không sinh ra vui mừng. Nên biết lúc bấy giờ là Niệm trú đầy đủ trọn vẹn.

